

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F.17
Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 của năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nha Trang, tháng 07 năm 2023

**CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA
TRANG
SEAFOODS - F17**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NHA
TRANG SEAFOODS - F17
DN: C=VN, L=KHÁNH HÒA, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4200567428,
E=NHATRANGSEAFOODS@NHATRANGSEAFO
ODS.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-07-29 08:05:07
Foxit PhantomPDF Version: 9.5.0

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		722,327,103,715	809,889,516,851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60,507,577,016	141,593,818,838
1. Tiền	111		60,507,577,016	127,843,818,838
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13,750,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,200,000,000	41,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21,200,000,000	41,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		303,543,950,644	355,191,442,598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	199,943,920,881	218,438,276,509
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	51,225,611,278	65,004,676,859
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	54,291,338,724	73,665,409,469
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,916,920,239)	(1,916,920,239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		254,517,495,078	197,838,011,624
1. Hàng tồn kho	141	V.7	254,517,495,078	197,838,011,624
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82,558,080,977	74,066,243,791
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,403,305,280	2,622,961,258
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72,926,875,987	62,119,647,455
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	8,227,899,710	9,323,635,078
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		799,991,778,248	793,660,300,781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,751,177,003	10,740,718,503
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10,751,177,003	10,740,718,503
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		293,945,911,368	309,627,264,775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	280,798,685,371	296,323,241,900
- Nguyên giá	222		523,747,893,397	520,910,314,821
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242,949,208,026)	(224,587,072,921)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13,147,225,997	13,304,022,875
- Nguyên giá	228		15,868,937,376	15,868,937,376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,721,711,379)	(2,564,914,501)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		204,367,761,547	177,189,392,160
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	204,367,761,547	177,189,392,160
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		260,693,772,527	260,693,772,527
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	258,693,772,527	258,693,772,527
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2,000,000,000	2,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30,233,155,803	35,409,152,816
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	30,233,155,803	35,409,152,816
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,522,318,881,963	1,603,549,817,632

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		854,851,331,382	906,817,729,049
I. Nợ ngắn hạn	310		720,951,331,382	772,817,729,049
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	171,885,960,319	176,873,712,468
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4,939,799,347	1,753,599,135
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9,297,360	144,691,445
4. Phải trả người lao động	314	V.16	13,173,227,000	21,659,241,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4,797,154,870	5,198,723,935
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	7,219,054,685	6,759,166,201
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	507,923,682,482	547,784,761,355
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	11,003,155,319	12,643,833,510
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		133,900,000,000	134,000,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	133,900,000,000	134,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		667,467,550,581	696,732,088,583
I. Vốn chủ sở hữu	410		667,467,550,581	696,732,088,583
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	188,000,000,000	188,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188,000,000,000	188,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	19,893,058,029	19,893,058,029
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	422,151,551,221	448,721,844,461
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		448,721,844,461	448,721,844,461
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(26,570,293,240)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	37,422,941,331	40,117,186,093
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,522,318,881,963	1,603,549,817,632


Trần Thị Cẩm Vân
 Người lập


Nguyễn Dân Tiến
 Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 29 tháng 7 năm 2023

Ngô Tuấn Kiệt
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế phát sinh			
			Quý 2/2023	Quý 2/2022	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	244,060,372,219	491,943,239,408	408,824,114,218	874,083,362,659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	4,142,528,984	-	4,409,566,499
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		244,060,372,219	487,800,710,424	408,824,114,218	869,673,796,160
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	232,174,519,155	416,053,395,475	392,395,523,967	751,385,950,987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,885,853,064	71,747,314,949	16,428,590,251	118,287,845,173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11,192,737,643	10,360,085,548	18,739,671,249	22,308,062,599
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	17,258,124,159	18,951,604,579	25,359,022,343	27,824,056,624
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,673,008,268	3,426,211,379	8,870,089,953	6,859,197,153
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	11,495,148,731	51,583,599,963	21,345,060,197	87,187,034,851
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10,978,710,733	10,449,579,456	18,067,281,784	23,118,037,838
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16,653,392,916)	1,122,616,499	(29,603,102,824)	2,466,778,459
12. Thu nhập khác	31	VI.8	122,422,956	105,185,647	569,188,137	446,244,760
13. Chi phí khác	32	VI.9	7,705,046	2,692,551	230,623,315	4,097,548
14. Lợi nhuận khác	40		114,717,910	102,493,096	338,564,822	442,147,212
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16,538,675,006)	1,225,109,595	(29,264,538,002)	2,908,925,671
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	(8,979,360)	-	8,636,775
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	3,370,609
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16,538,675,006)	1,234,088,955	(29,264,538,002)	2,896,918,287
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(14,278,143,683)	1,326,023,895	(26,570,293,240)	2,643,122,363
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2,260,531,323)	12,405,705	(2,694,244,762)	253,795,924
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(759)	715	(1,413)	141
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(759)	71	(1,413)	141

Nha Trang, ngày 29 tháng 7 năm 2023

Trần Thị Cẩm Vân
Người lậpNguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởngNgô Tuấn Kiệt
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(29,264,538,002)	2,908,925,671
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	20,777,113,453	20,784,494,953
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	7,783,638,080	12,186,420,652
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,565,200,676)	(1,987,225,325)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	8,870,089,953	6,859,197,153
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6,601,102,808	40,751,813,104
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		32,660,401,135	(132,179,015,387)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(56,679,483,454)	(55,455,391,452)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13,288,001,943)	69,890,762,275
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a, b	6,395,652,991	(3,752,846,307)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(8,849,524,589)	(6,831,170,079)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1,640,678,191)	(2,566,678,680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34,800,531,243)	(90,142,526,526)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(23,098,092,761)	(57,520,243,520)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		649,610,386	776,812,290
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	1,378,758,359	1,798,239,475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,069,724,016)	(54,945,191,755)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a,b	561,746,345,919	902,508,781,761
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(607,140,882,183)	(854,530,424,894)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(31,207,769,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45,394,536,264)	16,770,587,867
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(81,264,791,523)	(128,317,130,414)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	141,593,818,838	240,971,475,625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		178,549,701	162,698,294
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	60,507,577,016	112,817,043,505


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Giám đốc



Nha Trang, ngày 29 tháng 7 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản NT có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 66,53% (số đầu năm là 66,53%).

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1,760 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1,707 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi Tập đoàn thoái vốn làm mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí mua vùng nuôi tôm, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí mua vùng nuôi tôm

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (45 năm).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	753,600,592	1,937,675,194
Tiền gửi ngân hàng	59,753,976,424	125,906,143,644
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	-	13,750,000,000
Cộng	60,507,577,016	141,593,818,838

Các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán có giá trị 0 VND (số đầu năm là 13,750,000,000 VND) được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	21,200,000,000	21,200,000,000	41.200.000.000	41.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	21,200,000,000	21,200,000,000	41.200.000.000	41.200.000.000
Dài hạn	2,000,000,000	2,000,000,000	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu	2,000,000,000	2,000,000,000	2.000.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	23,200,000,000	23,200,000,000	43,200,000,000	43,200,000,000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱ⁾	157.749.943.186	-	-	157.749.943.186	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ⁽ⁱⁱ⁾	64.483.757.251	-	-	64.483.757.251	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.170.163.291	-	-	22.170.163.291	-	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(iv)	13.984.598.799	-	-	13.984.598.799	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(v)	285.310.000	-	-910,075,000	285.310.000	-	- 651,329,500
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000	-	-	20.000.000	-	-
Cộng	258.693.772.527	-	-910,075,000	258.693.772.527	-	- 651,329,500

- (i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.
- (ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 5.440.000 cổ phiếu, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89.
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 5,16% vốn thực tế đã góp.
- (iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.
- (v) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu là 30.850 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	33,025,654,783	43,660,859,252
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	28,093,510,277	38,835,292,803
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F.89	4,630,427,728	4,682,622,942
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	68,670,000	21,062,000
Công ty Cổ phần Onsen	169,885,979	53,410,513
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	29,692,377	31,830,084
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	29,000,000	23,890,910
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	-	12,750,000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	4,468,422	-
Phải thu các khách hàng khác	166,918,266,098	174,777,417,257
Công ty NTSF Company, Inc	25,212,689,700	48,907,016,350
Công ty Seafood Connection B.V	21,627,049,991	26,789,057,543
Công ty Thalassa Seafoods NV	7,662,979,500	16,386,825,555
Công ty LP Foods Pte, Ltd	74,829,522,158	9,605,165,074
Các khách hàng khác	37,586,024,749	73,089,352,735
Cộng	199,943,920,881	218,438,276,509

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán (số đầu năm là 218,438,276,509 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	37,069,314,338	36,565,544,138
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	31,069,314,338	34,369,264,138
Công ty Cổ phần Onsen	6,000,000,000	2,192,320,000
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	-	3,960,000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	14,156,296,940	28,439,132,721
Công Ty TNHH Anh Phát	12,643,894,400	10,529,318,000
Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Công Nghệ Trường Thịnh	-	7,058,593,642
Các khách hàng khác	1,512,402,540	10,851,221,079
Cộng	51,225,611,278	65,004,676,859

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	107,886,702	-	4,545,336,702	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	42,987,680	-	42,987,680	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Tiền hàng bán trả lại	-	-	4,437,450,000	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	64,899,022	-	64,899,022	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	54,183,452,022		69,120,072,767	
Tạm ứng	52,231,181,152	-	49,356,396,443	-
Tiền cước vận chuyển thu hồi	-		16,344,824,811	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16,016,000	-	16,016,000	-
Lãi tiền gửi dự thu	377,855,343	-	618,685,753	-
Thuế thu nhập cá nhân	703,294,877	-	699,310,727	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	855,104,650	-	2,084,839,033	-
Cộng	54,291,338,724	-	73,665,409,469	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10,730,852,003	-	10.740.718.503	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6,000,000,000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	4,500,000,000	-	4.500.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱ⁾	150,000,000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	80,852,003	-	80.852.003	-
- Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	20,325,000	-	9.866.500	-
Cộng	10,751,177,003	-	10.740.718.503	-

- (i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.
- (ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.
- (iii) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mô nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila						
- Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1,789,517,009	-	Trên 3 năm	1,789,517,009	-
Trả trước người bán	Trên 3 năm	127,403,230	-	Trên 3 năm	127,403,230	-
Cộng		1,916,920,239	-		1,916,920,239	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1,916,920,239	1,916,920,239
Số cuối năm	1,916,920,239	1,916,920,239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14,683,048,584	-	20,571,671,945	-
Công cụ, dụng cụ	201,149,109	-	284,656,945	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11,029,677,061	-	-	-
Thành phẩm	228,433,446,252	-	176,765,702,394	-
Hàng hóa	170,174,072	-	215,980,340	-
Cộng	254,517,495,078	-	197,838,011,624	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	14,683,048,584	20,571,671,945
Công cụ, dụng cụ	201,149,109	284,656,945
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11,029,677,061	-
Thành phẩm	228,433,446,252	176,765,702,394
Hàng hóa	170,174,072	215,980,340
Cộng	254,517,495,078	197,838,011,624

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	491,797,796	1,892,734,619
Chi phí bảo hiểm	393,697,132	709,918,384
Chi phí sửa chữa	517,810,352	20,308,255
Cộng	1,403,305,280	2,622,961,258

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	5,942,470,603	6,068,021,767
Chi phí mua vùng nuôi tôm	13,440,289,051	13,552,244,131
Chi phí công cụ dụng cụ	8,473,457,844	12,200,852,868
Chi phí đền bù	405,000,000	420,000,000
Chi phí sửa chữa	1,483,770,472	2,643,036,515
Chi phí khác	488,167,833	524,997,535
Cộng	30,233,155,803	35,409,152,816

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	261,585,251,679	210,182,516,092	46,689,643,848	960,853,202	1,492,050,000	520,910,314,821
Mua trong kỳ	-	2,665,599,534	-	-	-	2,665,599,534
Đầu tư xây dựng hoàn thành	228,414,664	2,478,968,923	-	-	-	2,707,383,587
Thanh lý, nhượng bán	-	(290,909,090)	(2,244,495,455)	-	-	(2,535,404,545)
Số cuối kỳ	<u>261,813,666,343</u>	<u>215,036,175,459</u>	<u>44,445,148,393</u>	<u>960,853,202</u>	<u>1,492,050,000</u>	<u>523,747,893,397</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3,893,584,843	50,349,116,615	10,638,452,270	435,378,355	-	65,316,532,083
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	71,794,267,574	123,896,519,085	27,920,653,205	658,725,558	316,907,499	224,587,072,921
Khấu hao trong kỳ	10,195,826,396	8,543,864,958	1,808,360,653	52,547,484	74,602,500	20,675,201,991
Thanh lý, nhượng bán	-	(68,571,431)	(2,244,495,455)	-	-	(2,313,066,886)
Số cuối kỳ	<u>81,990,093,970</u>	<u>132,371,812,612</u>	<u>27,484,518,403</u>	<u>711,273,042</u>	<u>391,509,999</u>	<u>242,949,208,026</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	189,790,984,105	86,285,997,007	18,768,990,643	302,127,644	1,175,142,501	296,323,241,900
Số cuối kỳ	<u>179,823,572,373</u>	<u>82,664,362,847</u>	<u>16,960,629,990</u>	<u>249,580,160</u>	<u>1,100,540,001</u>	<u>280,798,685,371</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 128,035,483,863 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.456.937.376	412.000.000	15.868.937.376
Số cuối kỳ	15,456,937,376	412,000,000	15,868,937,376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	312,000,000	312,000,000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,199,414,501	365,500,000	2,564,914,501
Khấu hao trong kỳ	145,296,878	11,500,000	156,796,878
Số cuối kỳ	2,344,711,379	377,000,000	2,721,711,379
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13,257,522,875	46,500,000	13,304,022,875
Số cuối kỳ	13,112,225,997	35,000,000	13,147,225,997
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 12,257,704,706 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định		1,209,056,974			1,209,056,974
Xây dựng cơ bản dở dang	159,039,890,995	28,314,165,990	(228,414,664)	-	187,125,642,321
- Dự án Trung tâm thương mại – Du lịch Nha Trang Seafood – F17	154,276,194,962	28,252,707,082		-	182,528,902,044
- Các công trình vùng nuôi	593,155,954		(228,414,664)	-	364,741,290
- Các công trình khác	4,170,540,079	61,458,908	-	-	4,231,998,987
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18,149,501,165	370,262,502	(2,478,968,923)	(7,732,492)	16,033,062,252
Cộng	177,189,392,160	29,893,485,466	(2,707,383,587)	(7,732,492)	204,367,761,547

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ này là 5,642,121,915 VND (năm trước chi phí lãi vay được vốn hóa là 1,261,556,164 VND).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	18,507,013,624	10,787,293,024
Lỗi tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	39,451,492,312	13,882,098,349
Cộng	57,958,505,936	24,669,391,373

- (i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Chi phí lãi vay tối đa được chuyển sang bù trừ vào thu nhập các năm sau như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Năm 2022	10,787,293,024
Quý 2/2023	7,719,720,600
Cộng	18,507,013,624

- (ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Thời hạn sử dụng tối đa của các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ vào thu nhập các năm sau như sau::

	<u>Số cuối kỳ</u>
Năm 2022	13,882,098,349
Quý 2/2023	25,569,393,963
Cộng	39,451,492,312

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	153,134,704,912	161,052,909,580
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	76,167,397,192	108,191,734,722
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	76,963,741,470	52,857,822,858
Công ty Cổ phần Onsen	3,566,250	3,352,000
Phải trả các nhà cung cấp khác	18,751,255,407	15,820,802,888
Các nhà cung cấp khác	18,751,255,407	15,820,802,888
Cộng	171,885,960,319	176,873,712,468

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dayseaday Frozen BV	3,218,988,301	-
Công ty Ally Sphere Food	785,019,446	1,435,511,135
Các khách hàng khác	935,791,600	318,088,000
Cộng	<u>4,939,799,347</u>	<u>1,753,599,135</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thu hồi tiền thuế đất đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	321,583,749	(321,583,749)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1,453,169,778	-	-	-	-	1,453,169,778
Thuế thu nhập cá nhân	139,078,805	-	546,169,665	(523,525,765)	(656,844,547)	-	495,121,842
Thuế tài nguyên	4,412,640	-	34,807,680	(29,922,960)	-	9,297,360	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	928,683	(928,683)	-	-	-
Tiền thuế đất	-	7,870,465,300	1,590,857,210	-	-	-	6,279,608,090
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	61,593,750	(61,593,750)	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	12,000,000	(12,000,000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1,200,000	-	506,420,000	(507,620,000)	-	-	-
Cộng	144,691,445	9,323,635,078	3,074,360,737	(1,457,174,907)	(656,844,547)	9,297,360	8,227,899,710

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các Công ty áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000284 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế, được áp dụng trong 15 năm kể từ năm 2008.

Công ty hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thu nhập từ chế biến thủy sản được miễn thuế theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với mức thuế suất 8%, giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ tại tỉnh Khánh Hòa; tại tỉnh Kiên Giang giá tính thuế là 6.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Theo Công văn số 3530/CTKHH-HKDCN ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa, Công ty được xử lý thoái thu số tiền nộp một lần cho cả thời gian thuê đất đối với dự án Công

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

viên bờ biển Bãi Dương, theo đó số tiền thuê đất nộp thừa sẽ được bù trừ với tiền thuê đất phát sinh phát sinh ở các kỳ kế tiếp hoặc hoàn tiền theo quy định.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	428,164,383	38,575,342
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Chi phí lãi vay phải trả	428,164,383	-
Ông Ngô Văn Ích - Chi phí lãi vay phải trả	-	38,575,342
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4,368,990,487	5,160,148,593
Lãi vay phải trả	997,381,717	975,147,312
Chi phí hoa hồng môi giới	1,596,991,639	1,797,900,253
Chi phí phải trả khác	1,774,617,131	2,387,101,028
Cộng	4,797,154,870	5,198,723,935

18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	927,051,233	143,132,055
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang - Chi phí lãi vay phải trả	177,534,247	99,879,452
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF- Chi phí lãi vay phải trả	749,516,986	43,252,603
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6,292,003,452	6,616,034,146
Kinh phí công đoàn	4,471,916,033	4,331,287,913
Bảo hiểm xã hội	-	612,565
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360,283,475	360,283,475
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	336,588,420	336,588,420
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1,123,215,524	1,587,261,773
Cộng	7,219,054,685	6,759,166,201

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	295,801,530,417	340,609,327,828
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	169,423,810,617	178,324,742,134
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	24,068,011,800	26,679,828,840

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	18,630,329,648	2,170,862,553
Cộng	507,923,682,482	547,784,761,355

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ sổ dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2011/HĐTC ngày 16/11/2011 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2011/HĐTC ngày 16/11/2011, số 03/2015/2902985/HĐBD ngày 06/04/2015, số 01/2015/2902985/HĐBD ngày 12/10/2015.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- + Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho và quản lý thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2, V.3);
- + Bên thứ 3 là ông Ngô Văn Ích đã cầm cố tài sản của mình là 1.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

(iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương - CN Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng/giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	547,784,761,355
Số tiền vay trong kỳ	521,746,345,919
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(567,040,882,183)
Đánh giá lại số dư cuối kỳ	5,433,457,391
Số cuối kỳ	507,923,682,482

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	133,700,000,000	133.700.000.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱ⁾	24,000,000,000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	69,700,000,000	69.700.000.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt ⁽ⁱⁱ⁾	40,000,000,000	-
Ông Ngô Văn Ích ⁽ⁱⁱ⁾	-	40.000.000.000
Vay dài hạn phải trả cá nhân khác	200,000,000	300.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	200,000,000	300.000.000
Cộng	133,900,000,000	134.000.000.000

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Green World Nha Trang để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17 với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Từ tháng 05/2023 lãi suất được điều chỉnh với mức 9%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Các khoản vay dài hạn để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17 với lãi suất 8,8%-9,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn là từ 1 năm đến 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	134,000,000,000
Số tiền vay phát sinh	40,000,000,000
Số tiền vay đã trả	(40,100,000,000)
Số cuối kỳ	133,900,000,000

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	8,454,556,491	-	(1,209,700,000)	7,244,856,491
Quỹ phúc lợi	4,189,277,019	-	(430,978,191)	3,758,298,828
Cộng	12,643,833,510	-	(1,640,678,191)	11,003,155,319

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	199,000,000,000	21,640,623,518	501,264,621,375	46,017,895,282	767,923,140,175
Giảm vốn điều lệ do hoán đổi cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018	(11,000,000,000)	-	11,000,000,000	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(11,000,000,000)	-	(11,000,000,000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(20,207,769,000)	-	(20,207,769,000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2,643,122,363	253,795,924	2,896,918,287
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(1,747,565,489)	1,746,910,536	654,953	-
Thù lao HĐQT năm 2019	-	-	(325,603,680)	-	(325,603,680)
Số dư cuối kỳ trước	188,000,000,000	19,893,058,029	485,121,281,594	46,272,346,159	739,286,685,782
Số dư đầu năm nay	188,000,000,000	19,893,058,029	448,721,844,461	40,117,186,093	696,732,088,583
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(26,570,293,240)	(2,694,244,762)	(29,264,538,002)
Số dư cuối kỳ này	188,000,000,000	19,893,058,029	422,151,551,221	37,422,941,331	667,467,550,581

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, chi tiết cổ đông góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Ngô Văn Ích	-	62.219.050.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	99,428,990,000	37.209.940.000
Bà Đào Thị Minh Hương	18,800,000,000	18.800.000.000
Các cổ đông khác	69,771,010,000	69.771.010.000
Cộng	188,000,000,000	188.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,800,000	18,800,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18,800,000	18,800,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,800,000	18,800,000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền chỉ có 2,027,792.18 USD (số đầu năm là 2,322,595.06 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	238,490,330,724	485,024,472,786	398,339,236,903	864,517,903,697
Doanh thu bán hàng hóa	548,860,518	104,356,019	690,966,308	181,204,631
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	5,021,180,977	6,814,410,603	9,793,911,007	9,384,254,331
Cộng	244,060,372,219	491,943,239,408	408,824,114,218	874,083,362,659

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	-	-	267,037,515
Hàng bán bị trả lại	-	4,142,528,984	-	4,142,528,984
Cộng	-	4,142,528,984	-	4,409,566,499

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	229,692,324,486	413,380,454,433	388,348,681,802	747,541,110,759
Giá vốn của hàng hóa đã bán	527,492,096	86,315,689	644,452,178	186,714,350
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	1,954,702,573	2,586,625,353	3,402,389,987	3,658,125,878
Cộng	232,174,519,155	416,053,395,475	392,395,523,967	751,385,950,987

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	124,782,273	724,810,811	1,137,927,949	1,888,760,435
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	-	24,680,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11,067,955,370	9,634,674,737	17,601,743,300	20,393,122,164
Chiết khấu thanh toán	-	600,000	-	1,500,000
Cộng	11,192,737,643	10,360,085,548	18,739,671,249	22,308,062,599

5. Chi phí tài chính

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí lãi vay	4,673,008,268	3,426,211,379	8,870,089,953	6,859,197,153
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7,413,562,009	6,406,419,874	8,705,219,860	8,778,364,369
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5,171,479,432	9,118,898,876	7,783,638,080	12,186,420,652
Phí lưu ký chứng khoán	74,450	74,450	74,450	74,450
Cộng	17,258,124,159	18,951,604,579	25,359,022,343	27,824,056,624

6. Chi phí bán hàng

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,678,846,925	1,925,021,325	3,238,796,165	3,645,446,282
Chi phí vật liệu, dụng cụ	51,197,512	20,517,118	69,529,237	32,882,129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	620,996,337	448,552,562	1,246,819,604	900,511,697
Chi phí điện, điện thoại	1,489,911,277	1,578,801,774	2,870,317,392	3,086,296,162
Chi phí vận chuyển quốc tế	1,450,686,790	26,353,097,990	2,825,342,871	45,740,456,423
Chi phí vận chuyển nội địa	2,099,742,821	7,050,912,949	3,983,714,924	5,501,138,847
Chi phí hoa hồng môi giới	2,019,744,141	2,884,391,442	2,492,351,728	10,252,685,343

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808,342,426	7,671,786,962	2,026,494,175	13,475,987,742
Các chi phí khác	1,275,680,502	3,650,517,841	2,591,694,101	4,551,630,226
Cộng	11,495,148,731	51,583,599,963	21,345,060,197	87,187,034,851

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5,268,398,110	5,288,900,723	9,221,126,285	9,675,422,717
Chi phí vật liệu, dụng cụ	59,098,829	47,095,572	105,365,916	87,335,523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	746,027,211	807,626,677	1,530,592,556	1,783,272,455
Thuế, phí và lệ phí	815,693,028	201,185,631	947,705,691	475,814,321
Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	-	-	-	3,893,017,800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179,117,589	182,191,309	434,154,507	817,684,053
Các chi phí khác	3,910,375,966	3,922,579,544	5,828,336,829	6,385,490,969
Cộng	10,978,710,733	10,449,579,456	18,067,281,784	23,118,037,838

8. Thu nhập khác

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	90,909,091	-	427,272,727	73,784,890
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	8,915,455	70,185,647	55,033,364	163,806,132
Các khoản thu nhập khác	22,598,410	35,000,000	86,882,046	208,653,738
Cộng	122,422,956	105,185,647	569,188,137	446,244,760

9. Chi phí khác

	Quý 2 Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí thiệt hại hàng LP trả về	-	-	141,592,951	-
Xử lý hàng hủy	-	-	80,180,927	-
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	(251)	205,528	12,329	1,610,524
Các chi phí khác	7,705,297	2,487,023	8,837,108	2,487,024
Cộng	7,705,046	2,692,551	230,623,315	4,097,548

10. Lãi cơ bản/ giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	(26,570,293,240)	2,643,122,363

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
nghiệp của cổ đông công ty mẹ		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(26,570,293,240)	2,643,122,363
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18,800,000	18,800,000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1,413)	141

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy hải sản trong lãnh thổ Việt Nam.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Nguyễn Dân Tiên
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 29 tháng 07 năm 2023




Ngô Tuấn Kiệt
Giám đốc